

Cao Bằng, ngày 25 tháng 4 năm 2022

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (Nguyễn Bình)
Phần B.II. Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	7,00	Bảy	41	Đặng Thị Lịch	7,00	Bảy
2	Lương Thị Kim Cúc	8,00	Tám	42	Hoàng Thị Liên	7,00	Bảy
3	Ngô Đức Chính	8,00	Tám	43	Hà Thị Hồng Linh	7,00	Bảy
4	Nguyễn Văn Chuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Bàn Thị Lưu	7,50	Bảy phẩy năm
5	Triệu Thị Diệp	7,00	Bảy	45	Tô Thị Mến	7,00	Bảy
6	Nguyễn Thị Thu Dung	8,00	Tám	46	Hoàng Lê Miên	7,50	Bảy phẩy năm
7	Hoàng Kim Dung	7,00	Bảy	47	Bé Thị Lê Na	7,00	Bảy
8	Hoàng Thị Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	48	Chu Thị Nải	7,50	Bảy phẩy năm
9	Hoàng Anh Dũng	8,00	Tám	49	Hoàng Thị Nết	7,50	Bảy phẩy năm
10	Hoàng Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	50	Diêu Thị Nga	7,00	Bảy
11	Lê Thị Diệp	8,00	Tám	51	Triệu Thị Nga	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nông Văn Giang	7,75	Bảy phẩy bảy năm	52	Hoàng Thị Nga	7,50	Bảy phẩy năm
13	Nông Đức Giáp	7,50	Bảy phẩy năm	53	Hoàng Minh Nga	7,50	Bảy phẩy năm
14	Nông Thị Gióng	7,00	Bảy	54	Chu Thị Ngân	5,00	Năm
15	Tô Hồng Hạnh	7,50	Bảy phẩy năm	55	Triệu Kim Ngân	7,00	Bảy
16	Nông Thị Hằng	7,00	Bảy	56	Nông Thị Ngân	7,00	Bảy
17	Nông Thu Hằng	7,00	Bảy	57	Lương Thị Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
18	Đàm Thị Thúy Hằng	8,00	Tám	58	Hoàng Thị Nha	7,50	Bảy phẩy năm
19	Nông Thị Hân	8,00	Tám	59	Lương Thị Phượng	7,50	Bảy phẩy năm
20	Đặng Thu Hiền	8,00	Tám	60	Lê Thị Phượng	7,50	Bảy phẩy năm
21	Đinh Ích Hiếu	7,00	Bảy	61	Ma Thị Quyên	7,50	Bảy phẩy năm

Ue

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Đào Thị Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Lê Đăng Tiến	7,00	Bảy
23	Chu Thị Hoàn	7,50	Bảy phẩy năm	63	Bé Quang Tiến	6,00	Sáu
24	Cung Lê Hoàng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	64	Vi Hữu Toàn	7,50	Bảy phẩy năm
25	Nông Thị Hồng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	65	Hà Quốc Toàn	7,50	Bảy phẩy năm
26	Đình Văn Huấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Hoàng Thị Thanh Tuyền	7,50	Bảy phẩy năm
27	Triệu Ngọc Huấn	7,00	Bảy	67	Hà Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
28	Phương Quốc Huy	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Hà Văn Tuynh	7,50	Bảy phẩy năm
29	Đình Thị Thu Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	69	Trương Thị Mai Thanh	7,50	Bảy phẩy năm
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	6,50	Sáu phẩy năm	70	Bàn Văn Thắng	6,00	Sáu
31	Tạ Thu Huyền	6,50	Sáu phẩy năm	71	Nông Thị Bích Thu	6,00	Sáu
32	Đàm Thị Hương	6,50	Sáu phẩy năm	72	Lương Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nguyễn Thanh Hường	8,00	Tám	73	Nguyễn Thị Thúy	7,50	Bảy phẩy năm
34	Hoàng Thị Hường	7,00	Bảy	74	Bàn Phúc Thượng	7,50	Bảy phẩy năm
35	Lương Xuân Hường	8,00	Tám	75	Lương Văn Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nông Văn Khởi	6,50	Sáu phẩy năm	76	Lý Ngọc Trinh	8,00	Tám
37	Hoàng Thị Lan	6,50	Sáu phẩy năm	77	Nông Thị Uyên	7,50	Bảy phẩy năm
38	Lương Thị Lan	7,00	Bảy	78	Phạm Thị Hồng Việt	8,00	Tám
39	Hà Hồng Lan	7,00	Bảy	79	Chu Thị Yến	8,00	Tám
40	Dương Văn Lành	7,00	Bảy				

Điểm 5,00: 01 điểm; Điểm 6,00: 03 điểm; Điểm 6,50: 03 điểm; Điểm 7,00: 21 điểm; Điểm 7,50: 27 điểm;
Điểm 7,75: 09 điểm; Điểm 8,00: 13 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Ưu

Vlaup



Hoàng Việt Hưng

Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Hoàng Việt Hưng